

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH VĨNH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/KDTM-PT

Ngày: 29-12-2021

*“Về việc đòi lại tài sản từ  
hợp đồng mua bán hàng hóa”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Thọ

Các Thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Ông Đặng Văn Lộc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Minh Khương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 14/2020/TLPT-KDTM ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc *“Đòi lại tài sản từ hợp đồng mua bán hàng hóa”*.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2020/KDTM-ST ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 12 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần tập đoàn TL (gọi tắt là Công ty TL); địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện VL, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông V TL, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (Vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền:*

1. Ông Lê Hồng S, sinh năm 1955 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Phòng a, chung cư S, Số aa, đường VP, phường T, quận T1, Hà

Nội (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/7/2019).

2. Ông Nguyễn Thế G, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xã S, huyện M, tỉnh H (Văn bản ủy quyền ngày 08/10/2020).

- Bị đơn: Công ty Cổ phần bê tông CT (Gọi tắt là Công ty CT);

Địa chỉ Tổ xx, ấp MH2, xã MH3, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh V, sinh năm 1957 (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Ngọc S1, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: số ee, đường PĐ, phường z, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Bị đơn - Công ty Cổ phần bê tông CT.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\*Tại đơn khởi kiện ngày 04/5/2019, đơn khởi kiện bổ sung tiếp theo cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Đại diện Nguyên đơn Công ty TL trình bày:*

Công ty CT ký kết hợp đồng mua thép của Công ty TL gồm 03 hợp đồng: Số 8.10/HĐNT-TL-BM ngày 10/ 8/2010, số 57/HĐKT-TL-BM ngày 01/12/2010 và số 12/HĐKT-TL-BM ngày 13/4/2011. Bên bán đã cung cấp đủ số lượng theo hợp đồng 633.644 kg thép các loại với tổng giá trị: 11.418.203.824 đồng. Sau thanh lý hợp đồng hai bên xác nhận đã thanh toán được 2.267.019.255đ, số nợ còn lại 8.549.744.603đ.

Ngoài ra Công ty CT có ký Hợp đồng số 01.02.2013/HĐXL-CTCT ngày 01/02/2013 thi công cho Công ty TL các hạng mục dự án xây dựng Cầu vượt nút G vòng xoay Hoàng Văn Thụ - Trường S – Cộng Hòa; Giá trị Hợp đồng là 2.016.577.366 đồng.

Để xử lý nợ, Công ty TL đã ra Công văn số 85/CV-TCKT-TĐTL ngày 09/02/2018 về việc quyết toán nợ với nội dung: Giữ lại giá trị Công ty CT đã thực hiện Hợp đồng thi công xây dựng hạng mục công trình nêu trên khấu trừ vào số nợ mua thép; theo đó, số tiền Công ty CT phải trả Công ty TL là:  $8.549.744.603đ - 2.016.577.366đ = 6.533.167.237đ$ . Từ ngày 23/11/2018 đến ngày 18/01/2019 Công ty CT trả tiếp 800.000.000 đồng nên số tiền còn nợ là:  $6.533.167.237đ - 800.000.000đ = 5.733.167.237đ$ .

Do Công ty CT chậm thanh toán số nợ còn lại nêu trên nên Công ty TL khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết buộc Công ty CT trả nợ gốc 5.733.167.237đ và lãi 7.348.131.910đ. Tổng cộng: 13.081.299.147đ.

Sau khi khởi kiện Công ty CT tiếp tục trả nợ gốc cho công ty TL đến khi mở phiên tòa sơ thẩm, Công ty TL yêu cầu Công ty CT trả nợ như sau:

- Hợp đồng kinh tế số: 8.10/HĐNT-TL-BM ngày 10/8/2010: Nợ gốc:

1.216.577.366 đồng, nợ lãi chậm thanh toán: 2.393.469.483 đồng (lãi suất 1,15%/tháng tính sau 30 ngày kể từ ngày nhận hàng).

- Hợp đồng kinh tế số: 57/HĐKT-TL-BM ngày 01/12/2010: Nợ gốc đã thanh toán hết; nợ lãi chậm thanh toán: 1.011.241.871 đồng (lãi suất 2%/tháng, tính sau 30 ngày kể từ ngày nhận hàng).

- Hợp đồng kinh tế số: 12/HĐKT-TL-BM ngày 13/4/2011: Nợ gốc: đã thanh toán hết, nợ lãi chậm thanh toán: 7.590.388.295 đồng (lãi suất 1,15%/tháng tính sau 30 ngày kể từ ngày G hàng).

Tổng cộng 12.211.677.015 đồng. Trong đó (Tiền gốc: 1.216.577.366 đồng; Tiền lãi 10.995.099.649 đồng ).

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về Hợp đồng số 01.02.2013/HĐXD/TL - CTCT ngày 01/02/2013, Công ty cổ phần tập đoàn TL thống nhất thanh lý Hợp đồng, nhưng sau khi rà soát lại khối lượng hoàn thành công trình thì công ty TL chỉ đồng ý trả công ty CT số tiền 670.399.264 đồng.

*\*Tại đơn yêu cầu phản tố đề ngày 20 tháng 9 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, Đại diện bị đơn Công ty CT trình bày:*

Công ty CT có ký hợp đồng mua bán thép và còn nợ số tiền mua hàng 1.216.577.366 đồng như công ty TL trình bày nên trên. Bên cạnh đó, Công ty CT có ký Hợp đồng số 01.02.2013/HĐXL-CTCT ngày 01/02/2013 thi công cho Công ty TL một số hạng mục công trình thuộc dự án Xây dựng Cầu vượt Lãng Cha Cả - TP. Hồ Chí Minh; Giá trị Hợp đồng là 2.016.577.366 đồng. Công ty CT đã hoàn thành công trình theo hợp đồng, xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000188 ngày 12/6/2013 là 2.016.577.366 đồng nhưng Công ty TL mới thanh toán được 800.000.000đ, còn nợ 1.216.577.366 đồng.

Nay công ty CT đồng ý trả công ty TL số nợ gốc 1.216.577.366 đồng; không đồng ý trả lãi vì đã thanh lý hợp đồng, chốt nợ nên đây là quan hệ đòi lại tài sản và đã hết thời hiệu tính lãi; yêu cầu thanh lý hợp đồng số 01.02.2013/HĐXL-CTCT ngày 01/02/2013 và buộc công ty TL trả số nợ lại 1.216.577.366 đồng.

*Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:*

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 85, 100 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 1 Điều 297; Điều 306 và Điều 319 Luật thương mại; Điều 149, Điều 157 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TL, buộc công ty CT trả tiền gốc là: 1.216.577.366 đồng và lãi chậm thanh toán là 9.491.209.972 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty CT; ghi nhận ý kiến giữa Công ty TL và Công ty CT thống nhất thanh lý Hợp đồng 01.02.2013/HĐXL/TL-CTCT, ngày 01/02/2013; buộc Công ty TL trả Công ty CT số tiền 670.399.264 đồng.

Sau khi khấu trừ số tiền yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận, buộc Công ty CT trả Công ty TL 10.037.388.074 đồng.

Bản án sơ thẩm còn tuyên lãi chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 16/10/2020, bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng: bị đơn không phải trả lãi cho nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến tố tụng và tham gia tố tụng nghiêm chỉnh tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty CT, sửa một phần bản án sơ thẩm: Buộc Công ty CT trả Công ty TL nợ gốc từ hợp đồng mua thép 1.216.577.366 đồng; Buộc Công ty TL trả Công ty CT số nợ thi công công trình 1.216.577.366 đồng. Công ty CT không phải chịu án phí phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn còn trong hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng bị đơn đều xin hoãn phiên tòa với lý do dịch bệnh Covid 19 trong thời điểm mở phiên tòa phúc thẩm là thuộc trường hợp bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của bị đơn có căn cứ chấp nhận toàn bộ bởi vì:

[2.1.1]. Về việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả:

Xét 03 hợp đồng mua bán thép giữa công ty CT và TL đều đã được hai bên thanh lý và “chốt” nợ tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 03/7/2014, biên bản làm việc ngày 21/6/2014 ghi nhận số nợ gốc 8.649.744.603đ, hoàn toàn không ghi nhận lãi chậm trả. Tại đơn khởi kiện ngày 04/5/2019 và các đơn khởi kiện bổ sung công ty TL vẫn khẳng định số nợ Công ty CT nợ Công ty TL là số nợ gốc đã được quyết toán, còn số tiền lãi chỉ phát sinh từ thời điểm có đơn khởi kiện và lãi

tính ngược về thời điểm trước khi quyết toán, thanh lý hợp đồng; thậm chí sau khi chốt nợ công ty CT đã tiếp tục trả hết nợ 02 hợp đồng chỉ còn Hợp đồng số: 8.10/HĐNT-TL-BM ngày 10/8/2010 còn nợ gốc 1.216.577.366 đồng; việc tiếp tục trả nợ này là thừa nhận nghĩa vụ trả gốc, không phải thừa nhận nghĩa vụ trả lãi nên không thuộc trường hợp bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 157 của Bộ luật dân sự năm 2015 nhưán sơ thẩm nhận định; án sơ thẩm áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 297 và Điều 306 Luật thương mại quy định về việc buộc thực hiện hợp đồng và quyền yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán chỉ đúng trong trường hợp đang thực hiện hợp đồng, còn trong vụ án này hợp đồng đã được thanh lý như nhận định nêu trên, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm, không chấp nhận tính lãi.

[2.1.2]. Về yêu cầu phản tố của bị đơn:

Cả nguyên và bị đơn đều thống nhất giá trị hợp đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000188 ngày 12/6/2013 là 2.016.577.366 đồng; tiếp đó, Công ty TL cũng khẳng định trong đơn khởi kiện Công ty CT đã thực hiện thi công các hạng mục công trình Dự án cầu vượt trị giá 2.016.577.366đ và khấu trừ vào số nợ mua thép đã quyết toán (8.549.744.603đ – 2.016.577.366đ = 6.533.167.237đ) nên đây là sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, công ty CT cung cấp biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành công trình ngày 06/5/2013 có đủ đại diện bên công ty TL và công ty CT ký xác nhận giá trị công trình hoàn thành 2.016.577.366đ, trừ đi số tiền công ty TL tạm ứng 800.000.000đ, còn lại số tiền công ty CT phản tố yêu cầu 1.216.577.366 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Xét văn bản số 324/TL ngày 13/6/2018 của công ty TL xác định số nợ công ty CT là 643.943.716 đồng nhưng tại văn bản số 116/TL ngày 09/3/2020 công ty TL lại xác định số nợ là 670.399.264đ kèm theo các chứng cứ, tài liệu tổng hợp khối lượng hoàn thành công trình thể hiện số liệu đơn phương, không nhất quán, không được công ty CT thừa nhận nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.2]. Về án phí kinh doanh, thương mại:

[2.2.1]. Án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên án phí được tính lại; nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền lãi không được chấp nhận bằng  $112.000.000đ + 0,1\% \times 6.995.099.649đ = 118.995.000đ$  (số tròn). Nguyên đơn còn phải chịu tiền án phí trên số tiền bị đơn phản tố được chấp nhận bằng  $36.000.000đ + 3\% \times 416.577.366đ = 52.061.200đ$  (số tròn). Tổng cộng nguyên đơn phải chịu 171.056.200đ.

Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền bị buộc trả nguyên đơn bằng  $36.000.000đ + 3\% \times 416.577.366đ = 52.061.200đ$  (số tròn) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2.2.2]. Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các bên đương sự không

phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là phù hợp pháp luật và phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

*Bởi các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần bê tông CT, sửa một phần bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 157, 422 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 319 Luật thương mại năm 2005; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần tập đoàn TL: Buộc Công ty Cổ phần bê tông CT trả Công ty Cổ phần tập đoàn TL số tiền mua thép còn nợ 1.216.577.366đ (*một tỉ hai trăm mười sáu triệu năm trăm bảy mươi bảy ngàn ba trăm sáu mươi sáu đồng*).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần tập đoàn TL về việc yêu cầu bị đơn công ty CT trả phần tiền lãi chậm thanh toán bằng 10.995.099.649đ (*Mười tỉ chín trăm chín mươi lăm triệu không trăm chín mươi chín ngàn sáu trăm bốn mươi chín đồng*).

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần bê tông CT: Buộc Công ty Cổ phần tập đoàn TL trả Công ty Cổ phần bê tông CT số tiền giá trị xây dựng các hạng mục dự án Cầu vượt nút G vòng xoay Hoàng Văn Thụ - Trường S – Cộng Hòa (Cầu vượt Lăng Cha Cả) còn nợ 1.216.577.366đ (*một tỉ hai trăm mười sáu triệu năm trăm bảy mươi bảy ngàn ba trăm sáu mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày Người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Buộc Nguyên đơn Công ty Cổ phần tập đoàn TL phải nộp 171.056.200đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 79.897.000đ theo các biên lai thu số 0009814 ngày 07/8/2019; số 0009734 ngày 24/6/2019 và số 0009819 ngày 13/8/ 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã bình Minh, còn lại 91.159.200đ

(Chín mươi một triệu một trăm năm mươi chín ngàn hai trăm đồng) công ty Cổ phần tập đoàn TL phải nộp tiếp.

Buộc Công ty Cổ phần bê tông CT phải nộp 52.061.200đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 24.249.000đ theo biên lai thu số 00009878 ngày 23/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, Công ty Cổ phần bê tông CT phải nộp thêm 27.812.200đ (Hai mươi bảy triệu tám trăm mười hai ngàn hai trăm đồng).

5. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Bị đơn Công ty Cổ phần Bê tông CT không phải chịu án phí phúc thẩm nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0010493 ngày 19/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Cấp cao;
- Viện Kiểm sát ND tỉnh Vĩnh Long;
- Tòa án ND thị xã Bình Minh;
- Chi cục thi hành án DS thị xã Bình Minh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Trường Thọ**